

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/01/2026
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vi Thị Nghiêm và ông Nguyễn Trung Bang.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Chiu Thị T, sinh năm 2002; số: CCCD: 022302001517; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Mả Phúc H, sinh năm 1997; số CCCD: 022097005107; nơi cư trú: thôn C, xã L, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chiu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh M Phúc Hợp tự do tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Quảng Ninh) ngày 24/02/2020 theo Trích lục kết hôn số 189/2025/TLKH-BS ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì kinh tế gia đình, hai vợ chồng không chia sẻ với nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2023. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mả Phúc H.

Về con chung: chị và anh Mả P Hợp có 01 (một) con chung là Mả Thị Hồng N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2021. Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đảm bảo, chị đề nghị anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Mả Thị Hồng N đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên thỏa thuận hoặc quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh H không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chiu Thị T vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T có quan điểm trình bày: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2025 bị đơn anh Mả Phúc H có lời khai trình bày: về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T tự ý bỏ nhà đi, không chung sống với anh, không có trách nhiệm gì với gia đình và con cái. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu chị T phải trả lại cho anh toàn bộ tiền sinh lễ mà gia đình anh đã bỏ ra để cưới chị T thì anh mới đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị T có 01 (một) con chung là Mả Thị Hồng N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2021, anh nhất trí với ý kiến của chị T, anh là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và khoản nợ chung, anh và chị T không có. Do điều kiện công việc, anh từ chối tham gia các phiên họp, đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt anh trong tất cả các phiên tòa.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2025 về nguyên nhân việc phát sinh tranh chấp ly hôn giữa chị Chiu Thị T và anh Mả Phúc H, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã L, tỉnh Quảng Ninh cho biết: mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh H thì Hội liên hiệp phụ nữ xã không rõ, tuy nhiên thực tế qua nắm bắt thông tin về phụ nữ và trẻ em trên địa bàn thì chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ, không chung sống với anh H khoảng một đến hai năm nay. Hai anh chị có 01 (một) con chung là Mả Thị Hồng N.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/02/2020.

- Về con chung: hai đương sự có 01 (một) con chung là Mả Thị Hồng N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2021. Hai bên thống nhất anh Mả Phúc H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Hai đương sự không thống nhất ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về tố tụng: đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Chiu Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh H. Giao con chung Mả Thị Hồng N cho anh M Phúc Hợp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con khi ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có cư trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và có ý kiến không tiến hành hòa giải, vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thông báo kết quả cho bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã triệu tập hợp lệ đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Chiu Thị T và anh M Phúc Hợp trên cơ sở tự nguyện đã cùng nhau tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã L, tỉnh Quảng Ninh). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thừa nhận phát

sinh mâu thuẫn, mặc dù mỗi bên đưa ra nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thống nhất chị T đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ năm 2023, do đó xác định vợ, chồng đã sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Việc anh H không đồng ý ly hôn và yêu cầu chị T phải trả tiền sinh lễ mà gia đình anh H đã cưới chị T thì mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc đòi sinh lễ không được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định, mặc dù đây có thể là tập quán, phong tục địa phương, tuy nhiên tập quán phải tuân theo các điều kiện được quy định tại Điều 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình ban hành kèm theo Nghị định số: 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ thì “nếu do người vợ yêu cầu ly hôn thì nhà gái phải trả lại nhà trai toàn bộ đồ sinh lễ và những phí tổn khác, con phải theo cha là tập quán cần vận động xóa bỏ”. Do đó, đây không phải là căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của anh H và chị T, đồng thời cũng không phải là quan điểm mong muốn đoàn tụ gia đình của anh H. Do đó, không được xem xét giải quyết. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận câu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: hai đương sự có 01 (một) con chung là Mả Thị Hồng N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2021. Hiện tại con chung đang sống với anh H, anh H có yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên. Chị T trình bày điều kiện hoàn cảnh khó khăn không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, ý kiến của hai đương sự, quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung Mả Thị Hồng N cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng, nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập

Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chiu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Chiu Thị T được ly hôn anh Mả Phúc H.

2. Về con chung: giao con chung Mả Thị Hồng N, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2021 cho anh M Phúc Hợp trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, chị Chiu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Chiu Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001016 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Chiu Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị Chiu Thị T và anh Mả Phúc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Lục Hồn, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa